

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 9 năm 2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Bình;
- Bà Phạm Thị Thỏa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Mai Minh Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2024/TLST- HNGĐ ngày 16/5/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-DS, ngày 27/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vàng Mí G; sinh năm: 1997; dân tộc: Mông; Nghề nghiệp: Làm nương; CCCD số: 002097008970 do Cục C – BCA cấp ngày 25/6/2021; nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05/9/2024).

2. Bị đơn: Chị Lù Thị M; sinh năm: 1996; dân tộc: Mông; nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 04/10/2023, bản tự khai ngày 16/5/2024 và tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 05/9/2024 anh Vàng Mí G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lù Thị M qua tìm hiểu quen biết đến ngày 27/7/2017 anh G và chị M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống được một thời gian ngắn vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình cả hai không hợp nhau, thường xuyên chửi bới, xúc phạm nhau dẫn đến không tìm được tiếng nói chung. Đến cuối năm 2017 anh G đi làm thuê bên Trung Quốc kiếm tiền trang trải cuộc sống, chị M ở nhà làm ruộng chăm sóc con. Đến ngày 14/10/2019 chị M tự ý bỏ nhà đi không rõ tung tích, từ khi chị M bỏ đi anh G đã cùng gia đình hai bên tìm kiếm nhiều lần nhưng không có tin tức gì về chị M, sau đó anh G đã làm đơn yêu cầu Toà án tuyên bố chị M mất tích, ngày 31/8/2023 Toà án nhân dân huyện Y đã mở phiên họp tuyên bố chị M mất tích, từ đó cho đến nay vẫn không có tin tức gì về chị M, anh G đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Vàng Mí G xác nhận, anh và chị M có một con chung là cháu Vàng Mí T, sinh ngày 27/8/2017. Từ khi chị M bỏ đi cháu T ở cùng anh G, anh G đề nghị được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh G xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Lù Thị M đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 13/2023/QĐST-VDS ngày 31/8/2023. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập họp lệ đối với chị Lù Thị M nhưng chị M không có mặt để tham gia tố tụng.

Ngày 27/8/2024 cháu Vàng Mí T có đơn đề nghị xin được ở cùng với bố vì mẹ bỏ đi đã lâu.

Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2024 đối với ông Hoàng Mạnh L – Công chức Tư pháp hộ tịch xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang cung cấp: Anh Vàng Mí G và chị Lù Thị M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang vào ngày 27/7/2017, anh chị có một con chung là cháu Vàng Mí T, sinh ngày 27/8/2017. Quá trình chung sống không rõ anh G và chị M có xảy ra mâu thuẫn gì không đến năm 2019 chị M tự ý bỏ nhà đi, mặc dù anh G và gia đình hai bên đã tìm kiếm nhiều lần nhưng vẫn không có tin tức gì về chị M, từ khi bỏ đi đến nay chị M chưa chờ về địa phương, không rõ tung tích chị M hiện nay ở đâu làm gì. Sau khi chị M bỏ đi cháu T do anh G chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay anh G ở nhà làm nương, không có thu nhập ổn định. Mức thu nhập bình quân đầu người tại địa phương là 2.080.000đ/người/tháng. Chị M đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, anh G xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy

định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo quyền lợi của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh **Vàng Mí G**, cho anh **G** được ly hôn với chị **Lù Thị M**. Về con chung: Giao cháu **Vàng Mí T** cho anh **G** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị **M** không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh **G**.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh **Vàng Mí G** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị **Lù Thị M**, nơi cư trú cuối cùng tại **thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang** là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết vụ án; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Vàng Mí G** và chị **Lù Thị M** có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 27/7/2017 tại **Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang** nên hôn nhân giữa anh **Vàng Mí G** và chị **Lù Thị M** là hợp pháp.

[4] Bị đơn chị **Lù Thị M** đã bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 13/2023/QĐST-VDS ngày 31/8/2023.

[5] Về căn cứ cho ly hôn: Anh **Vàng Mí G** là chồng của chị **Lù Thị M** là người bị Tòa án tuyên bố mất tích xin ly hôn, nên yêu cầu ly hôn với chị **M** của anh **G** là có căn cứ, phù hợp, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[6] Về con chung: Anh **G** xác nhận, anh và chị **M** có một con chung là cháu **Vàng Mí T**, sinh ngày 27/8/2017, sau khi ly hôn anh **G** đề nghị là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị **M** cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ năm 2019 chị **M** bỏ nhà đi đến nay cháu **T** vẫn trực tiếp sinh sống cùng bố là anh **G**, ngoài ra cháu **T** có đơn nguyện vọng xin được ở cùng bố nên việc giao cháu **T** cho anh **G** tiếp tục là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[7] Về tài sản, công nợ chung: Anh **Vàng Mí G** xác nhận không có, vợ chồng không nợ ai hay ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Anh **Vàng Mí G** là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh **Vàng Mí G** theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Vàng Mí G**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh **Vàng Mí G** được ly hôn với chị **Lù Thị M**.
2. Về con chung: Giao cháu **Vàng Mí T**, sinh ngày 27/8/2017 cho anh **Vàng Mí G** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, chị **Lù Thị M** không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Miễn nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh **Vàng Mí G**.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS H Y;
- UBND xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**



Đoàn Ngọc Vĩnh